

Số: 61 /2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí, phương pháp đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ở cơ sở số 10/2022/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 59/2023/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định tiêu chí, phương pháp đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, phương pháp đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2025 và thay thế Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định tiêu chí, phương pháp đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập



thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nội vụ;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- VP. UBND tỉnh (Công báo điện tử tỉnh);
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX *140* bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức





QUY ĐỊNH
Tiêu chí, phương pháp đánh giá, xếp loại công tác dân vận
của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2025/QĐ-UBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương).

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;
- b) Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
- c) Các cơ quan, đơn vị có chức năng xét duyệt, đánh giá, phân loại về công tác dân vận.

Điều 2. Mục đích đánh giá, phân loại công tác dân vận chính quyền

1. Việc đánh giá, phân loại hàng năm về công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập nhằm xem xét toàn diện các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh tại địa bàn theo quy định. Trên cơ sở đánh giá nhằm phát huy các nhân tố tích cực trong công tác dân vận chính quyền, góp phần tạo động lực thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các cơ quan nhà nước.

2. Kết quả đánh giá, xếp loại công tác dân vận chính quyền là một trong những cơ sở để xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, đánh giá kết quả thi đua và xét khen thưởng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng; việc đánh giá, xếp loại dựa trên mức độ hoàn thành khối lượng và hiệu quả theo yêu cầu của từng nội dung tiêu chí.

Chương II
TIÊU CHÍ, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN
CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Điều 4. Tiêu chí đánh giá

1. Tiêu chí 1: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai và thực hiện công tác dân vận chính quyền (10 điểm);
2. Tiêu chí 2: Thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính (15 điểm);
3. Tiêu chí 3: Thực hiện công tác tiếp công dân, đối thoại với người dân, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân (15 điểm);
4. Tiêu chí 4: Xây dựng cơ quan văn hóa, công sở văn minh (20 điểm);
5. Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở (20 điểm);
6. Tiêu chí 6: Công tác phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị (10 điểm);
7. Tiêu chí 7: Thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” (10 điểm).

(Các tiêu chí đánh giá chi tiết theo biểu kèm theo)

Điều 5. Phương pháp đánh giá

1. Việc đánh giá, phân loại được thực hiện dựa trên 7 tiêu chí đánh giá được nêu tại Điều 4 của Quy định này. Mỗi tiêu chí quy định một hoặc nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, đơn vị, địa phương với tổng số điểm là 100 điểm.

2. Cách chấm điểm từng nội dung tiêu chí: Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào việc ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao để đánh giá, tự chấm điểm từng nội dung tiêu chí vào cột “Tự đánh giá” tại biểu tiêu chí đánh giá ban hành kèm theo Quy định này. Nếu kết quả thực hiện đạt 100% thì đánh giá điểm tối đa; trường hợp không đạt 100% thì tùy theo mức độ đạt được để chấm điểm theo từng nội dung tiêu chí.

Điều 6. Phân loại mức độ hoàn thành

1. Kết quả thẩm định

a) Kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy thẩm định, xem xét công nhận hoặc điều chỉnh theo thực tế thẩm định.

b) Kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp Ban Xây dựng Đảng cấp xã thẩm định, xem xét công nhận hoặc điều chỉnh theo thực tế thẩm định.

2. Xếp loại

Trên cơ sở kết quả chấm điểm của Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị, địa phương sẽ được xếp loại theo các mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác dân vận chính quyền như sau:

- a) Hoàn thành xuất sắc: Từ 90 đến 100 điểm;
- b) Hoàn thành tốt: Từ 70 đến dưới 90 điểm;
- c) Hoàn thành: Từ 50 điểm đến dưới 70 điểm;
- d) Không hoàn thành: Dưới 50 điểm.

3. Trường hợp cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu; Ủy ban nhân dân cấp xã có một trong các chức danh lãnh đạo: Bí thư, Phó Bí thư Thường trực, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã bị xử lý kỷ luật thì căn cứ tổng số điểm thẩm định của Sở Nội vụ sẽ hạ một bậc xếp loại theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu, có công chức, viên chức lãnh đạo bị xử lý kỷ luật thì căn cứ tổng số điểm thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ hạ một bậc xếp loại theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương để xảy ra tham nhũng, có cán bộ, công chức bị xử lý hình sự, mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng theo đánh giá của cấp trên thì xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thời gian xét duyệt, phân loại đối với công tác dân vận

1. Thẩm quyền

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trình tự, thời gian xét duyệt, phân loại đối với công tác dân vận

a) Đối với cấp xã: Các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành tự chấm điểm công tác dân vận và gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 05/11 để tổng hợp. Tiếp theo đó, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Ban Xây dựng Đảng cấp xã tiến hành rà soát kết quả chấm điểm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định trong khoảng thời gian trước 15/11 hàng năm.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành tự chấm điểm, đánh giá xếp loại công tác dân vận chính quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã và gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) chậm nhất ngày 15/11 hàng năm để tiến hành rà soát kết quả chấm điểm.

b) Đối với cấp tỉnh: Các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành tự chấm điểm công tác dân vận và báo cáo Sở Nội vụ trước ngày 15/11 hàng năm để tổng hợp. Từ ngày 15/11 đến ngày 30/11 hàng năm, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành rà soát kết quả chấm điểm.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị

Dựa trên các tiêu chí và phương pháp đánh giá, phân loại nêu trên, hàng năm các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá, phân loại. Kết quả đánh giá, phân loại cho thấy việc thực hiện công tác dân vận chính quyền của các cơ quan, đơn vị tốt hay chưa tốt; đây cũng là tiêu chí để xét thi đua, khen thưởng cuối năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này đến các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các tiêu chí đánh giá công tác dân vận cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

b) Phối hợp Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác dân vận chính quyền tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở các tiêu chí nêu trên.

c) Rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả chấm điểm công tác dân vận của các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hướng dẫn các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quy định này.

b) Rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả chấm điểm công tác dân vận của các phòng chuyên môn, các tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình xem xét, quyết định và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ), Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy để theo dõi.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

PHỤ LỤC
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA CƠ QUAN NHÀ
NƯỚC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2025/QĐ-UBND)

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Tài liệu minh chứng (các Văn bản ban hành)
1	Tiêu chí số 1: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai và thực hiện công tác dân vận chính quyền	10	
1.1	Ban hành văn bản quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận; kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, địa phương, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Kế hoạch thực hiện công tác dân vận hàng năm	5	
	<i>Ban hành đầy đủ và kịp thời: 05 điểm</i>		
	<i>Ban hành đầy đủ văn bản nhưng có văn bản chậm so với thời gian yêu cầu: 03 điểm</i>		
	<i>Ban hành không đầy đủ hoặc có văn bản ban hành chậm từ 01- 05 ngày so với thời gian yêu cầu: 01 điểm</i>		
	<i>Không ban hành hoặc ban hành chậm quá 05 ngày so với thời gian yêu cầu: 0 điểm</i>		
1.2	Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền tại cơ quan, đơn vị	5	

	Ban hành kịp thời báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo chuyên đề về công tác dân vận (theo thời gian yêu cầu): 05 điểm		
	Ban hành báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo chuyên đề về công tác dân vận chậm so với thời gian yêu cầu: Chậm từ 01 - 02 ngày: 03 điểm		
	Ban hành báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo chuyên đề về công tác dân vận chậm so với thời gian yêu cầu: Chậm từ 03 - 05 ngày: 01 điểm		
	Không ban hành hoặc ban hành báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo chuyên đề về công tác dân vận: 0 điểm		
2	Tiêu chí 2. Thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính	15	Căn cứ kết quả chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương được Chủ tịch UBND tỉnh xếp loại để đánh giá tiêu chí này (thời điểm đánh giá chưa có kết quả của năm hiện tại thì lấy kết quả năm trước liền kề)
		Điểm = 15* tỷ lệ đạt được. Ví dụ: Điểm = $15 \times 95,5\% = 14,32$ điểm	

3	Tiêu chí 3: Thực hiện công tác tiếp công dân, đối thoại với người dân, doanh nghiệp; giải quyết đề nghị, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân	15	
3.1	Bố trí địa điểm tiếp công dân, bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ việc tiếp công dân; ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân; công khai lịch tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo	3	
3.1.1	Bố trí phòng tiếp công dân, bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ việc tiếp công dân		
	<i>Có bố trí: 01 điểm</i>		
	<i>Không bố trí: 0 điểm</i>		
3.1.2	Ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân		
	<i>Có ban hành: 01 điểm</i>		
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>		
3.1.3	Công khai lịch tiếp công dân và thực hiện quy trình tiếp nhận, xử lý bước đầu khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo quy định		
	<i>Có công khai lịch tiếp công dân và thực hiện quy trình tiếp nhận, xử lý bước đầu khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo quy định: 01 điểm</i>		
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ: 0 điểm</i>		
3.2	Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trình độ phù hợp làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên	1	
	<i>Có phân công: 01 điểm</i>		
	<i>Không phân công: 0 điểm</i>		

3.3	Kiểm tra, đôn đốc; Báo cáo tình hình, kết quả công tác tiếp công dân	2	
3.3.1	Kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có trách nhiệm thuộc quyền quản lý thực hiện các quy định của pháp luật trong việc tiếp công dân.		
	<i>Thành lập đoàn, tổ kiểm tra, kết luận kiểm tra hoặc có văn bản đôn đốc: 01 điểm</i>		
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>		
3.3.2	Báo cáo tình hình, kết quả công tác tiếp công dân với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền		
	<i>Có báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và báo cáo đột xuất đảm bảo số lượng, thời gian theo quy định: 01 điểm</i>		
	<i>Có báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và báo cáo đột xuất nhưng không đảm bảo số lượng, thời gian theo quy định: Mỗi báo cáo trừ 0,5 điểm.</i>		
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>		
3.4	Thực hiện tiếp công dân định kỳ, đột xuất; quản lý, theo dõi việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, đơn vị	4	
3.4.1	Tiếp công dân định kỳ theo quy định		
	<i>Có thực hiện theo quy định: 01 điểm</i>		
	<i>Không thực hiện theo quy định: 0 điểm</i>		
3.4.2	Tiếp công dân đột xuất theo quy định		
	<i>Có thực hiện theo quy định: 01 điểm</i>		
	<i>Không thực hiện theo quy định: 0 điểm</i>		

3.4.3	Tiếp công dân 60 phút buổi sáng đầu giờ		
	<i>Có thực hiện đầy đủ theo quy định: 01 điểm</i>		
	<i>Có thực hiện nhưng không đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>		
3.4.4	Quản lý, theo dõi việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, đơn vị		
	<i>Có đầy đủ hồ sơ theo dõi: 01 điểm</i>		
	<i>Không có hồ sơ theo dõi: 0 điểm</i>		
3.5	Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của tổ chức, công dân liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, địa phương; Thực hiện tốt công tác thanh tra nhân dân, công tác hòa giải ngay từ cơ sở	4	
	<i>Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đạt trên 95%: 04 điểm</i>		
	<i>Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đạt từ 80% đến dưới 95%: 03 điểm</i>		
	<i>Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đạt từ 70% đến dưới 80%: 01 điểm</i>		
	<i>Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đạt dưới 70%: 0 điểm</i>		
3.6	Không có vụ việc khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị kéo dài, tình trạng đơn thư vượt cấp (trừ những đơn thư đã được giải quyết theo quy định), khiếu kiện đông người và tạo thành điểm nóng	1	
	<i>Không có vụ việc: 01 điểm</i>		
	<i>Có vụ việc: 0 điểm</i>		

4	Tiêu chí 4: Xây dựng cơ quan văn hóa, công sở văn minh	20	
4.1	Thực hiện tốt quy tắc ứng xử, thái độ tôn trọng, thân thiện với nhân dân với phương châm 04 xin (Xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép), 04 luôn (Luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ) và 5 không (Không cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà; Không quan liêu, vô cảm, vô trách nhiệm; Không tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm; Không xu nịnh, chạy chọt, gian dối; Không lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thực thi công vụ); thực hiện phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, hướng dẫn dân làm, làm dân tin” và phương châm “chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, hiệu quả”	3	
4.1.1	Ban hành Kế hoạch, chương trình, nội dung thực hiện Quy chế văn hóa công vụ; xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, trình tự, thời gian hoàn thành của từng nội dung		
	<i>Có ban hành: 02 điểm</i>		
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>		
4.1.2	Báo cáo 06 tháng; 01 năm về tình hình thực hiện Quy chế văn hóa công vụ theo quy định		
	<i>Đủ số lượng báo cáo: 01 điểm. Thiếu 01 báo cáo trừ 0,5 điểm</i>		
	<i>Đảm bảo thời gian: 01 điểm. Không đảm bảo thời gian, mỗi báo cáo trừ 0,5</i>		

4.2	Cơ quan, đơn vị không có cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm trong thực thi công vụ, văn hóa công vụ và bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản hoặc có văn bản đề nghị xử lý vi phạm	3	
	<i>Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm: 03 điểm</i>		
	<i>Có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm: 0 điểm</i>		
4.3	Thực hiện kiểm tra công vụ	4	
4.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ		
	<i>Có ban hành: 01 điểm</i>		
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>		
4.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra và xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 03 điểm</i>		
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100%: 02 điểm</i>		
	<i>Hoàn thành dưới 80%: 0 điểm</i>		
4.4	Thực hiện công tác quản lý công chức, viên chức	10	
	<i>Không có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm pháp luật buộc phải xử lý kỷ luật: 10 điểm</i>		
	<i>Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm pháp luật buộc phải xử lý kỷ luật bằng hình thức kỷ luật khiển trách: 05 điểm</i>		
	<i>Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm pháp luật buộc phải xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên: 0 điểm</i>		
5	Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20	<i>Căn cứ kết quả đánh giá xếp loại</i>

	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 20 điểm</i>		<i>của cơ quan cấp trên đánh giá hàng năm xếp loại để đánh giá tiêu chí này (thời điểm đánh giá chưa có kết quả của năm hiện tại thì lấy kết quả năm trước liền kề)</i>
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 15 điểm</i>		
	<i>Hoàn thành 10 điểm</i>		
	<i>Không hoàn thành: 0 điểm</i>		
6	Tiêu chí 6: Công tác phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị	10	
6.1	Ban hành cơ chế, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền	4	
6.1.1	Thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội		
	<i>Thực hiện tốt: 02 điểm</i>		
	<i>Thực hiện chưa đúng quy chế hoặc chưa thực hiện: 0 điểm</i>		
6.1.2	Thực hiện tốt Quy định về tiếp thu góp ý trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền		
	<i>Thực hiện tốt: 02 điểm</i>		
	<i>Thực hiện chưa đúng quy định hoặc chưa thực hiện: 0 điểm</i>		
6.2	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	6	
	<i>Bố trí đầy đủ: 6 điểm</i>		

	<i>Có bố trí nhưng chưa đầy đủ: 3 điểm</i>		
	<i>Không bố trí: 0 điểm</i>		
7	Tiêu chí 7: Thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”	10	
7.1	Đầu năm có đăng ký mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo”	2	
	<i>Có đăng ký mô hình: 02 điểm</i>		
	<i>Không đăng ký: 0 điểm</i>		
7.2	Nhân rộng các mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo” tại cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm theo quy định	3	
	<i>Có nhân rộng các mô hình điển hình: 03 điểm</i>		
	<i>Không có nhân rộng: 0 điểm</i>		
7.3	Được cơ quan cấp trên ghi nhận những cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nổi bật, có mô hình, điển hình nổi bật về dân vận chính quyền được các cấp ghi nhận và lan tỏa tích cực ra cộng đồng, xã hội	5	
	<i>Được biểu dương và nhân rộng: 05 điểm</i>		
	<i>Không được biểu dương và nhân rộng: 0 điểm</i>		
	TỔNG ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	100	